TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hà và bà Nguyễn Thị Hiền
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/ TLST – HNGĐ ngày 18/3/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 08/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T1, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu xx, phường T3, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Mai Duy T2, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ 65, khu 6, phường C1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T1 đều trình bày: Chị và anh Mai Duy T2 về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến năm 2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T3, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi về chung sống anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại nhà chồng ở tổ xx, khu x, phường C1, thành phố P1. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được 4 năm đầu, cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh T2 nghỉ việc, không đi làm nên không có thu nhập dẫn đến kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn. Cũng từ đó anh T2 không có trách nhiệm với gia đình và còn sử dụng ma túy (loại cỏ) nên đôi khi không kiểm soát được bản thân, chị cũng đã nhẹ nhàng khuyên nhủ thì anh T2 lại có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm thậm chí còn đánh chị. Chị cũng đã nhờ đến gia đình hai bên để hòa giải nhưng vẫn không

khắc phục được, do anh T2 không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 3/2020, chị quyết định sống ly thân với anh T2, chị về ở với gia đình nhà ngoại tại phường T3, không quan tâm đến cuộc sống của anh T2 nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng, không thể khắc phục được, do không còn tình cảm dành cho anh T2 nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Mai Duy T2 có 01 con chung là Mai Thanh H1, sinh ngày 11/08/20xx, tại đơn khởi kiện chị có quan điểm khi ly hôn anh T2 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng tại bản tự khai và tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì anh T2 không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có quan điểm về phần con chung, hiện tại con chung còn nhỏ cũng cần có sự quan tâm, chăm sóc của chị. Được nuôi dưỡng con chung chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con, hiện nay chị làm nhân viên tại Công ty TNHH Toyota Cẩm Phả, thu nhập bình quân 4.200.000 đồng/tháng cùng với sự giúp đỡ của gia đình nhà ngoại nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh T2 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh T2 sau kết hôn sống cùng với gia đình nhà chồng, kinh tế lại khó khăn nên không có tài sản chung. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Mai Duy T2 nhiều lần nhưng anh T2 cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh T2, anh T2 không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2020 của bà Phạm Thị H2 là mẹ đẻ của anh Mai Duy T2), bà Hải cho biết: Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến năm 2018 mới đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T3. Cuộc sống vợ chồng anh chị bình thường cho đến khi anh T2 làm ăn thua lỗ, gia đình có bàn bạc chị T1 giúp đỡ cùng vay tiền để trả nợ nhưng chị T1 không nghe, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng khiến không khí gia đình mệt mỏi. Từ cuối tháng 3/2020 chị T1 tự ý về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nếu anh T2 – chị T1 không khắc phục được mâu thuẫn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T2 và chị T1 có một con chung là Mai Thanh Hiền, sinh ngày 11/8/2015, từ khi còn bé cho đến nay bà Hải vẫn giúp vợ chồng chị T1 nuôi dưỡng, hiện cả hai vợ chồng chị T1 – anh T2 đều có khả năng nuôi con nên Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vấn đề con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Cẩm Phả nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Duy T2 hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Mai Duy T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tống đạt hợp lệ cho anh T2 nhưng anh T2 cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Ngô Thị T1 và anh Mai Duy T2 là hôn nhân hợp pháp, anh chị về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến năm 2018 mới đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T3, thành phố P. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ tổ 65, khu 6, phường C1, thành phố P. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T1 trình bày là do anh T2 nghỉ việc, không đi làm nên không có thu nhập, kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn, từ đó cũng không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra anh T2 còn sử dụng ma túy, chị cũng đã nhẹ nhàng khuyên nhủ thì anh T2 lại có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm đến chị, mâu thuẫn kéo dài mà không khắc phục được, chị T1 quyết định sống ly thân với anh T2 từ tháng 3/2020, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bản thân anh T2 khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh T2 cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị T1 xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị T1 và anh T2 cũng phù hợp với lời khai của mẹ đẻ anh T2 và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 đối với anh T2.

* Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung là Mai Thanh H1, sinh ngày 11/08/20xx, khi ly hôn vì con chung còn nhỏ lại là con gái nên cần có sự quan tâm chăm sóc của chị T1, chị T1 có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T1 có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T2

cũng không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung là là Mai Thanh Hiền cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của con chung và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung của anh chị.

Do chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con nên anh T2 không phải cấp dưỡng cho con chung, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị T1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T1 và anh Mai Duy T2.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Thanh H1, sinh ngày 11/08/20xx cho chị Ngô Thị T1 có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Mai Duy T2 không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị T1 phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp ngày 16/3/2020 theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường T3;
- Các đương sự;

- Lưu HSVA – VP.

Nguyễn Thị Quýnh